

Số: 460/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược nợ công đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 36/TTr-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược nợ công đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

Việc xây dựng và thực hiện Chiến lược nợ công giai đoạn 2021-2030 gắn với sáu quan điểm chủ đạo sau:

a) Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đề ra tại Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; các Văn kiện, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII. Công tác quản lý nợ công luôn bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, chỉ chi trong khả năng của nền kinh tế và chỉ vay trong khả năng trả nợ, vay nợ phải đảm bảo an ninh tài chính quốc gia. Trong bối cảnh tình hình mới nhiều khó khăn, thách thức, nợ công tiếp tục là đòn bẩy cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực tăng trưởng bền vững. Trong huy động tiếp tục thực hiện nguyên tắc nguồn vay trong nước là cơ bản, quyết định, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả với nguồn vay nước ngoài là quan trọng.

b) Tăng cường quản lý tài chính, ngân sách nhà nước, nợ công theo kế hoạch trung hạn, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất giữa kế hoạch tài chính với kế hoạch đầu tư công, kế hoạch vay trả nợ công. Nguồn lực nợ công cần tập trung vào bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vay theo nhu cầu sử dụng vốn.

c) Quản lý nợ công chặt chẽ là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị sử dụng vốn; nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng vốn vay, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, vai trò chủ động của ngân sách địa phương.

d) Việc huy động vốn phải tính toán kỹ lưỡng trong khả năng trả nợ của từng cấp ngân sách, từng đối tượng vay vốn. Bố trí thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn làm ảnh hưởng đến các cam kết của Chính phủ và hệ số tín nhiệm quốc gia.

đ) Phát triển các kênh huy động vốn đi đôi với tái cơ cấu danh mục nợ để tăng tính bền vững.

e) Tăng cường chuyển đổi số trong quản lý nợ công; đảm bảo công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cấp về sử dụng vốn vay và trả nợ công.

2. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức huy động vốn vay đáp ứng nhu cầu của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ với chi phí vay hợp lý, phù hợp với mức độ rủi ro của khoản vay, đảm bảo khả năng trả nợ; duy trì các chỉ số nợ công, nợ Chính phủ ở mức an toàn, kiểm soát đối với nợ nước ngoài, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia; thúc đẩy phát triển thị trường vốn trong nước; gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025

- Kiểm soát chỉ tiêu bội chi ngân sách nhà nước được Quốc hội phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm giai đoạn 2021-2025, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn về nợ bao gồm trần, ngưỡng trong giới hạn được Quốc hội phê duyệt.

b) Dự kiến đến năm 2030.

- Nợ công không quá 60%GDP, nợ Chính phủ không quá 50%GDP.
- Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ bình quân không quá 25% tổng thu ngân sách nhà nước.
- Nợ nước ngoài của quốc gia không quá 45% GDP.

4. Định hướng huy động và sử dụng vốn vay

a) Thường xuyên đánh giá những tác động của vay vốn đến dư nợ công, nợ Chính phủ và nghĩa vụ trả nợ. Trong điều hành ngân sách nhà nước hằng năm phải kiểm soát đồng thời tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước và tỷ lệ trả nợ trực tiếp từ ngân sách, đảm bảo trong ngưỡng cho phép.

b) Thực hiện phát hành đều đặn trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn chuẩn, tập trung vào kỳ hạn dài từ 5 năm trở lên, đồng thời linh hoạt phát hành các kỳ hạn dưới 5 năm, phát hành trái phiếu ngoại tệ trên thị trường trong nước để đáp ứng nhu cầu huy động vốn và thực hiện mục tiêu phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ. Phát hành trái phiếu quốc tế để bù đắp bội chi ngân sách trung ương cho đầu tư phát triển và để cơ cấu lại nợ của Chính phủ khi điều kiện thị trường thuận lợi.

c) Tập trung giải ngân hết nguồn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã ký vay đến cuối năm 2020. Việc huy động vay mới vốn vay nước ngoài tập trung cho một số lĩnh vực chủ chốt để đảm bảo phát huy được tối đa hiệu quả kinh tế theo quy mô; ưu tiên đầu tư cho các dự án trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, có hiệu ứng lan tỏa như thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng môi trường, giáo dục, y tế, công nghệ. Xây dựng một số chương trình đầu tư công để thực hiện một số dự án, công trình quan trọng, trọng điểm, có tính động lực, sức lan tỏa lớn và giải quyết các vấn đề phát triển quốc gia, vùng và liên kết vùng theo từng mục tiêu ưu tiên thay cho cách tiếp cận dự án riêng rẽ, phân tán; nâng cao tỷ trọng vay ngoài nước hỗ trợ ngân sách để tăng tính chủ động trong quản lý sử dụng vốn vay.

d) Điều hành nợ chính quyền địa phương trong phạm vi bội chi ngân sách địa phương được Quốc hội phê duyệt, đảm bảo trong hạn mức dư nợ theo Luật ngân sách nhà nước.

đ) Kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ dự phòng, việc đảm bảo nguồn trả nợ được Chính phủ bảo lãnh; quản lý các khoản bảo lãnh, đảm bảo đúng quy định, hiệu quả trong phạm vi hạn mức bảo lãnh, tập trung ưu tiên nguồn vốn để bảo lãnh cho các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia, được Quốc hội, Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư. Kiểm soát tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ không vượt quá tốc độ tăng GDP của năm trước. Lựa chọn một số công trình phát triển cơ sở hạ tầng có tính chất lan tỏa, có khả năng tạo nguồn thu trả nợ để Chính phủ cho vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.

e) Kiểm soát chặt chẽ nợ nước ngoài tự vay tự trả của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, đảm bảo chỉ tiêu nợ nước ngoài quốc gia trong giới hạn cho phép. Đổi mới phương thức quản lý nợ nước ngoài quốc gia cho phù hợp với tính chất vốn vay ngắn hạn, trung và dài hạn, tính chất và mức độ rủi ro của từng nhóm

đối tượng. Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế để áp dụng biện pháp kiểm soát luồng vốn trong quản lý nợ nước ngoài tự vay, tự trả để phù hợp với thông lệ quốc tế.

5. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

a) Hoàn thiện thể chế chính sách và công cụ quản lý nợ.

Việc hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách và công cụ quản lý nợ sẽ thực hiện thông qua hai giai đoạn, cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Tiếp tục rà soát các Luật, Nghị định, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện về quy định thể chế, chức năng nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chính quyền địa phương đảm bảo nhất quán với quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017. Tổ chức nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thống nhất chức năng quản lý vốn vay nợ công với quản lý đầu tư công trong tổng thể ngân sách nhà nước để nâng cao hiệu quả.

+ Tổ chức thực hiện tốt các công cụ nợ (chiến lược, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm, chương trình quản lý nợ công 03 năm, kế hoạch vay, trả nợ công hàng năm) làm căn cứ triển khai các nghiệp vụ về huy động, sử dụng vốn vay cho đầu tư phát triển trong từng giai đoạn cụ thể.

+ Tổ chức rà soát, đánh giá tình hình triển khai Luật Quản lý nợ công 2017, báo cáo Chính phủ bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các quy định để triển khai có hiệu quả Luật quản lý nợ công, bổ sung chế tài để nâng cao trách nhiệm thanh toán trả nợ của đối tượng được bảo lãnh, không chuyển nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp thành nghĩa vụ nợ của Nhà nước; nghiên cứu, bổ sung quy định về khung quản lý rủi ro danh mục nợ Chính phủ phù hợp với thông lệ quốc tế.

+ Nghiên cứu, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các hạn mức nợ nước ngoài khu vực tư nhân, báo cáo Chính phủ đề xuất chủ trương bổ sung, sửa đổi hoặc báo cáo Quốc hội sửa đổi các quy định về giám sát, quản lý nợ nước ngoài tự vay, tự trả của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng cho phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước, tính chất nguồn vốn vay và đối tượng vay.

- Giai đoạn 2026-2030:

+ Tổng kết, đánh giá Luật Quản lý nợ công 2017, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội bổ sung, sửa đổi Luật Quản lý nợ công, hoàn thiện thể chế để triển khai có hiệu quả công tác quản lý nợ theo thông lệ quốc tế.

+ Trên cơ sở tổng kết, đánh giá quy định pháp luật về phương thức quản lý nợ nước ngoài tự vay, tự trả của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bằng hạn mức, căn cứ chủ trương của cấp thẩm quyền cho phép tách bạch quản lý nợ nước ngoài tự vay, tự trả với nợ nước ngoài khu vực công, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, báo cáo cấp thẩm quyền điều chỉnh hoặc

ban hành quy định triển khai chính sách quản lý nợ nước ngoài tự vay, tự trả nhằm kiểm soát luồng vốn theo mục tiêu đề ra của giai đoạn 2026-2030.

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Chính phủ hoàn thiện khung pháp lý, mô hình tổ chức về ổn định tài chính để thực thi chính sách an toàn vĩ mô.

b) Thực hiện các công cụ, biện pháp quản lý nợ hiện đại

- Chủ động kết hợp linh hoạt các công cụ nợ, kênh huy động trong và ngoài nước tùy theo điều kiện thị trường để đảm bảo danh mục nợ Chính phủ đáp ứng các mục tiêu quản lý rủi ro đặt ra.

- Triển khai công cụ quản lý nợ Chính phủ theo quy định phù hợp với yêu cầu thực tiễn, gắn với quản lý ngân sách nhà nước, quản lý ngân quỹ nhà nước, bảo đảm hiệu quả, an toàn và thanh khoản của ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục phát hành trái phiếu Chính phủ gắn với tái cơ cấu nợ công, nợ Chính phủ theo hướng tập trung phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn từ 5 năm trở lên khi thị trường thuận lợi để vừa huy động vốn cho ngân sách nhà nước, vừa kéo dài kỳ hạn bình quân danh mục nợ trái phiếu Chính phủ.

- Căn cứ điều kiện thị trường tích cực thực hiện các nghiệp vụ cơ cấu lại nợ (nghiệp vụ mua lại, hoán đổi, sử dụng công cụ phái sinh và các nghiệp vụ khác) với chi phí phù hợp để cơ cấu lại danh mục nợ trong nước và nước ngoài của Chính phủ theo hướng an toàn, bền vững, góp phần giảm nhẹ vụ trả nợ gốc qua các năm, giảm áp lực thanh khoản cho ngân sách nhà nước.

- Đối với áp lực trả nợ trực tiếp của Chính phủ tăng cao trong trung, dài hạn, xem xét điều chỉnh cơ chế, chính sách để bố trí một phần ngân sách nhà nước trả nợ gốc, qua đó giảm gánh nặng nợ. Đối với các khoản vay, công cụ nợ huy động thời gian tới cần tính toán để đảm bảo lịch trả nợ dàn đều, không để nghĩa vụ trả nợ tập trung vào một số năm.

- Nghiên cứu thông lệ quốc tế, tiến tới áp dụng phương pháp thống kê nợ nước ngoài của khu vực công theo nguyên tắc nơi cư trú của chủ nợ để phù hợp hơn với chuẩn mực quốc tế; đồng thời theo dõi chỉ tiêu nợ nước ngoài theo tiêu chí ngoại tệ để quản lý rủi ro tỷ giá. Báo cáo tách bạch nợ nước ngoài của khu vực công (nợ Chính phủ, nợ Chính phủ bảo lãnh) và nợ tự vay, tự trả của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng.

- Áp dụng các biện pháp củng cố kiểm soát dòng vốn song song với kiểm soát theo hạn mức rút vốn ròng, bao gồm:

+ Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền cho phép áp dụng một số biện pháp hỗ trợ quản lý nợ nước ngoài của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay, tự trả nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động vay nước ngoài ngắn, trung - dài hạn: áp dụng giới hạn về mức vay nước ngoài theo từng nhóm doanh nghiệp; yêu cầu thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với các khoản vay nước ngoài bằng ngoại tệ; cải tiến cơ chế báo cáo và chế tài phù hợp với biện

pháp kiểm soát vay ngắn, trung - dài hạn; kiểm soát việc vay nợ của các tổ chức tín dụng thông qua các tỷ lệ đảm bảo an toàn...

+ Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền về khả năng áp dụng biện pháp giám sát thông qua các chỉ tiêu an toàn song song với việc điều chỉnh khung pháp lý về quản lý nợ nước ngoài tự vay, tự trả theo hướng không áp dụng hạn mức trần nợ tự vay, tự trả của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng.

c) Thực hiện huy động, quản lý và sử dụng nợ hiệu quả

- Nguồn vốn vay cho đầu tư phát triển phải được kiểm soát một cách chặt chẽ về mục tiêu, hiệu quả đầu tư, kế hoạch trả nợ và những tác động của tổng vốn vay đến dư nợ công, nợ Chính phủ và nghĩa vụ trả nợ.

- Báo cáo Quốc hội, Chính phủ xem xét phê duyệt một số chương trình đầu tư công để thực hiện một số dự án, công trình quan trọng, trọng điểm, có tính động lực, sức lan tỏa lớn và giải quyết các vấn đề phát triển quốc gia, vùng và liên kết vùng... Căn cứ điều kiện thị trường và khả năng huy động từ các đối tác phát triển, chủ động lựa chọn linh hoạt nguồn vốn vay phù hợp, bố trí đủ kế hoạch vốn để hoàn thành trong từng giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực trên thị trường vốn trong nước, quốc tế để thực hiện các chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường quản lý rủi ro tài khóa của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương phát sinh từ hoạt động vay về cho vay lại, gắn quyền chủ động quyết định vay của địa phương với tăng cường trách nhiệm trả nợ, gắn trách nhiệm trả nợ vay lại với mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Tiếp tục tăng cường công khai, minh bạch về huy động, quản lý và sử dụng nợ công, nâng cao định mức tín nhiệm quốc gia

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai Đề án Định hướng cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia đến năm 2030.

- Xây dựng và triển khai chiến lược tiếp xúc, duy trì quan hệ với thị trường vốn trong nước và quốc tế.

- rà soát, hệ thống hóa các chế độ báo cáo, cải thiện công bố thông tin định kỳ về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia, bao gồm các kênh trực tuyến.

đ) Phát triển thị trường tài chính, thị trường vốn trong nước

- Đa dạng hóa kỳ hạn phát hành, bao gồm cả kỳ hạn dưới 5 năm, đảm bảo kỳ hạn phát hành bình quân trong phạm vi Quốc hội cho phép, đồng thời đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư, góp phần hình thành đường cong lãi suất chuẩn với đầy đủ các kỳ hạn tham chiếu cho các công cụ nợ cũng như các thành phần kinh tế khác.

- Phát triển đa dạng hệ thống nhà đầu tư trên thị trường trái phiếu Chính phủ, ưu tiên phát triển nhà đầu tư dài hạn như các quỹ đầu tư, hệ thống quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện; thu hút nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư dài hạn trên thị trường. Đổi mới cơ chế đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

- Phát triển đa dạng các sản phẩm, hàng hóa trên thị trường để đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư; phát triển sản phẩm trái phiếu Chính phủ xanh để huy động vốn cho các dự án bảo vệ môi trường phục vụ phát triển kinh tế bền vững. Nghiên cứu đưa trái phiếu Chính phủ vào rổ chỉ số trái phiếu quốc tế để thu hút thêm các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư chuyên nghiệp nước ngoài.

e) Về nghĩa vụ nợ dự phòng

Kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ dự phòng của ngân sách nhà nước từ các hoạt động bảo lãnh Chính phủ, cho vay lại vốn vay nước ngoài. Nghiên cứu, đề xuất bổ sung quy định về dự phòng rủi ro trong ngân sách nhà nước đối với các nghĩa vụ nợ phát sinh từ các dự án hợp tác công tư, bảo lãnh Chính phủ.

g) Tổ chức bộ máy, ứng dụng công nghệ thông tin

Hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nợ công; đổi mới phương thức quản lý nợ công trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, tiệm cận mô hình quản lý nợ tiên tiến của quốc tế.

Tập trung hình thành cơ quan quản lý nợ công chuyên nghiệp, hiện đại theo thông lệ quốc tế theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị; nâng cao trình độ công chức làm công tác quản lý nợ; củng cố, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát, giải ngân nguồn vốn vay nước ngoài; hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý nợ; xây dựng cơ sở dữ liệu, thống kê về nợ. Đảm bảo kinh phí từ nguồn trích phí cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý nợ công theo quy định Luật Quản lý nợ công năm 2017.

Thống nhất thực hiện quản lý nợ chính quyền địa phương, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan chính quyền địa phương trong quản lý nợ chính quyền địa phương bảo đảm minh bạch, hiệu quả; tăng cường năng lực cán bộ quản lý nợ chính quyền địa phương đáp ứng yêu cầu theo dõi, đánh giá và quản lý rủi ro; xây dựng và kết nối hệ thống thông tin nợ chính quyền địa phương đảm bảo cập nhật, phục vụ quản lý theo hạn mức dư nợ và bội chi ngân sách địa phương hằng năm; trang bị công cụ phân tích, đánh giá danh mục nợ, cơ cấu nợ chính quyền địa phương, tiến tới áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro, đảm bảo bền vững nợ chính quyền địa phương.

h) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn vay công. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hệ thống giám sát nội bộ, khung kiểm soát rủi ro và hoạt động kiểm toán nội bộ.

Đẩy mạnh phân cấp phân quyền, nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý nợ công; giáo dục, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu. Cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh.

6. Tổ chức thực hiện

a) Các giai đoạn thực hiện Chiến lược

Chiến lược nợ công giai đoạn 2021 - 2030 được thực hiện theo 2 giai đoạn, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1: triển khai thực hiện Kế hoạch tài chính quốc gia, Kế hoạch vay và trả nợ công 5 năm 2021-2025 theo các Nghị quyết của Quốc hội; xây dựng và thực hiện các chương trình quản lý nợ công 3 năm gởi đầu và kế hoạch vay, trả nợ công hàng năm;

- Giai đoạn 2: xây dựng và thực hiện Kế hoạch tài chính quốc gia, Kế hoạch vay và trả nợ công 5 năm 2026-2030; các chương trình quản lý nợ công 3 năm gởi đầu và kế hoạch vay, trả nợ công hàng năm.

b) Nguồn lực thực hiện Chiến lược

Kinh phí xây dựng và triển khai các nội dung của đề án Chiến lược nợ công được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện Chiến lược

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược nợ công; chỉ đạo kế hoạch thực hiện các nội dung Chiến lược nợ công theo từng giai đoạn.

- Hoàn thiện thể chế chính sách và công cụ quản lý nợ; chủ động kết hợp linh hoạt các công cụ nợ, kênh huy động trong và ngoài nước tùy theo điều kiện thị trường, thực hiện các nghiệp vụ cơ cấu lại nợ với chi phí phù hợp để đảm bảo danh mục nợ Chính phủ đáp ứng các mục tiêu quản lý rủi ro; thực hiện huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ của Chính phủ, quản lý việc cấp bảo lãnh Chính phủ, hướng dẫn và theo dõi tình hình vay, trả nợ của chính quyền địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát vĩ mô nợ công, phối hợp với các cơ quan kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ công.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan kiểm tra việc thực hiện Chiến lược nợ công; định kỳ 5 năm tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Chiến lược; chủ trì, phối hợp với các cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung chiến lược khi cần thiết.

- Trong quá trình thực hiện Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công giai đoạn 2021-2025, trường hợp có biến động, rủi ro lớn, Bộ Tài chính kịp thời báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Xây dựng các chương trình đầu tư công để thực hiện một số dự án, công trình quan trọng, trọng điểm, có tính động lực, sức lan tỏa lớn và giải quyết các vấn đề phát triển quốc gia, vùng và liên kết vùng, báo cáo Chính phủ, Quốc hội xem xét phê duyệt.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, bao gồm nguồn vốn vay nợ công cho đầu tư phát triển; theo dõi, kiểm soát hoạt động vay, trả nợ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các hạn mức nợ nước ngoài khu vực tư nhân, báo cáo Chính phủ đề xuất chủ trương bổ sung, sửa đổi hoặc báo cáo Quốc hội sửa đổi các quy định về giám sát, quản lý nợ nước ngoài tự vay, tự trả của doanh nghiệp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng cho phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước, tính chất nguồn vốn vay và đối tượng vay.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, triển khai áp dụng một số biện pháp hỗ trợ quản lý nợ nước ngoài của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay, tự trả nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động vay nước ngoài ngắn, trung - dài hạn.

- Kiến nghị Chính phủ hoàn thiện khung pháp lý, mô hình tổ chức về ổn định tài chính để thực thi chính sách an toàn vĩ mô. Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền cho phép áp dụng biện pháp giám sát thông qua các chỉ tiêu an toàn song song với việc điều chỉnh khung pháp lý về quản lý nợ nước ngoài tự vay, tự trả theo hướng áp dụng các biện pháp giám sát luồng vốn thay thế cho hạn mức trần nợ tự vay, tự trả của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Tài chính, cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo, tham gia thực hiện các nội dung liên quan của Chiến lược này; tổ chức sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nợ công, bố trí nguồn trả nợ đầy đủ, đúng hạn, chịu trách nhiệm giải trình, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27 tháng 07 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài quốc gia giai đoạn 2021-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, TGD Công TTĐT, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b)

110



Lê Minh Khái